

CHẾ ĐỊNH KẾ THỪA TRONG LUẬT QUỐC TẾ

Lê Văn Bình*

Dân sinh thường gắn liền với một Quốc gia, vùng lãnh thổ, có quyền và nghĩa vụ theo luật định và chịu sự điều chỉnh không chỉ của hệ thống pháp luật quốc gia mà cả hệ thống pháp luật quốc tế. Các quốc gia lại có quyền độc lập về chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội v.v, nhưng không phải là tuyệt đối vì trong quan hệ với cộng đồng quốc tế thì quốc gia luôn là một thành viên. Trong quá trình phát triển, vì những lý do xung đột khác nhau về chính trị, kinh tế, văn hoá, sắc tộc và ngôn ngữ v.v. nên lúc thì hai hoặc nhiều quốc gia sáp nhập lại thành quốc gia liên bang hoặc liên minh và khi thì tách ra thành các quốc gia độc lập. Các sự kiện quốc tế đó thường kéo theo những hệ quả pháp lý nhất định và được điều chỉnh bằng các văn bản pháp lý quốc gia và quốc tế. Tổng hợp các nguyên tắc, các quy phạm pháp luật quốc gia và quốc tế điều chỉnh những sự kiện mang tính quốc tế nói trên gọi là chế định kế thừa trong luật quốc tế.

Vậy, kế thừa trong luật quốc tế là gì, pháp luật quốc gia và quốc tế điều chỉnh chế định này ra sao trong lý luận và thực tiễn sinh hoạt quốc tế (?).

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về kế thừa như: kế thừa được xác định bằng ý chí chủ quyền, bằng bản chất giai cấp của quốc gia phù hợp với các quy phạm chung và các nguyên tắc luật quốc tế¹. Kế thừa còn được xem là chế định cổ xưa nhất của luật quốc tế². Vattel. E nhấn mạnh rằng quốc gia kế

thừa có nghĩa vụ trả các khoản nợ cho các quốc gia khác³.

Trong lý luận khoa học pháp lý quốc tế có các học thuyết khác nhau về kế thừa: 1) Kế thừa toàn bộ (hoặc đầy đủ) là kế thừa toàn bộ lãnh thổ, dân cư, tổ chức chính trị, quyền và nghĩa vụ quốc tế của quốc gia trước đó; 2) Kế thừa có chọn lọc (theo thoả thuận) được hiểu là quốc gia kế thừa không kế thừa các quyền và nghĩa vụ điều ước đã được ký kết liên quan đến lãnh thổ (chiếm đóng) là đối tượng chuyển giao hoặc phân chia; 3) Không kế thừa (hoặc huỷ bỏ) khi có sự thay đổi nhà nước, tức là đại diện cho quốc gia mới theo pháp luật không công nhận quyền và nghĩa vụ quốc tế của quốc gia trước đó đối với mình; 4) Kế thừa theo nguyên tắc tabula rasa, được hiểu là quốc gia mới không có trách nhiệm kế thừa các điều ước quốc tế (ĐUQT) trước đó; 5) Kế thừa bắt buộc, tức là không phụ thuộc vào bất kỳ sự thay đổi nào từ bên trong và các ĐUQT trước đó còn nguyên hiệu lực khi kế thừa⁴ (bản chất của học thuyết này là bắt buộc quốc gia mới kế thừa tất cả các ĐUQT của quốc gia trước đó mà không phụ thuộc vào các cuộc cách mạng xã hội, nhưng học thuyết này không được cộng đồng quốc tế ủng hộ).

Trên thực tế, kế thừa thường gắn liền với các nguyên tắc, các chế định của luật quốc tế hiện đại, với luật điều ước quốc tế, với các thành viên trong các tổ chức quốc tế, với các quốc gia v.v.

Hiện nay, kế thừa được điều chỉnh bằng hai Công ước quốc tế: Thứ nhất, Công ước Viên năm 1978 về kế thừa ĐUQT, kể cả kế

* TS Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Аваков М.М. Правопреемство освободившихся государств - М, 1983 -С.26.

² Гроций Г. О Праве войны и мира - М, 1956 - С.223.

³ Ваттель Э. Право народов - М, 1960 -С.329.

⁴ Ví dụ như: Ngày 25.12.1991, Chủ tịch EC (khi đó là Hà Lan) đã tuyên bố kể từ nay Nga là chủ thể của luật quốc tế và chịu các trách nhiệm pháp lý đối với Liên Xô kể cả các quy định trong Hiến chương LHQ.

thừa điều ước đa phương, điều ước thành lập tổ chức quốc tế và điều ước được thông qua trong phạm vi tổ chức quốc tế. Công ước này đã khẳng định tầm quan trọng của chế định kế thừa như là một phương tiện nhằm củng cố và duy trì quan hệ pháp lý quốc tế; *Thứ hai*, Công ước Viên năm 1978 về kế thừa tài sản, tài liệu và công nợ quốc gia.

Như vậy, hai Công ước trên chỉ quy định và điều chỉnh kế thừa đối với chủ thể là các quốc gia còn kế thừa đối với các loại chủ thể luật quốc tế khác không được quy định chi tiết trong hai Công ước trên, vì trên thực tế chúng được quy định trong các điều ước chuyên ngành. Riêng kế thừa của các tổ chức liên chính phủ hiện nay đang còn có nhiều quan điểm tranh luận khác nhau nhưng phần lớn được quy định cụ thể trong văn bản sáng lập và trong các thoả thuận về trụ sở làm việc của các tổ chức đó.

Theo Điều 17 Công ước Viên năm 1978, các quốc gia mới thành lập có quyền thông báo về kế thừa đối với các điều ước đa phương liên quan đến lãnh thổ là đối tượng kế thừa và có quyền chỉ kế thừa một phần của điều ước (nếu nội dung của điều ước có quy định) hoặc lựa chọn kế thừa những điều khoản trong điều ước đó. Ví dụ, tại Điều 1 Bản ghi nhớ ngày 07.7.1992 giữa Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) quy định về lợi ích chung từ các ĐUQT đa phương của Liên Xô đối các quốc gia SNG và việc tham gia vào các ĐUQT đó là quyền và nghĩa vụ của các quốc gia SNG.

Kế thừa trong khoa học pháp lý quốc tế được hiểu là sự chuyển quyền và nghĩa vụ từ một chủ thể luật quốc tế này sang một chủ thể luật quốc tế khác và kế thừa đã được nghiên cứu trong nhiều công trình khoa học khác nhau⁵. Trong sinh hoạt quốc tế, chế

định kế thừa luôn gắn liền với sự thay đổi chủ thể luật quốc tế và theo đó là quyền và nghĩa vụ quốc tế. Nguyên nhân kế thừa là: a) Do có sự thay đổi lãnh thổ (do tách, nhập quốc gia, hoặc lãnh thổ của một quốc gia này nhập vào một quốc gia khác); b) Kết quả của các cuộc cách mạng xã hội; c) Kết quả của các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và thành lập các nhà nước độc lập; d) Do các sự kiện pháp lý quốc tế khác v.v.

Thực tiễn quốc tế có rất nhiều các minh chứng về sự thay đổi chủ thể của ĐUQT. Chẳng hạn như, Điều 1 của Điều ước về chấm dứt hiệu lực điều ước phân chia Đông Đức, Tây Đức và Tây Béc-lin để thành lập nhà nước Liên bang Đức năm 1990; Liên Xô tách thành 12 quốc gia độc lập năm 1991 hình thành nên SNG một kiểu "tổ chức quốc tế" đặc biệt chưa từng có trong lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới; Liên bang Nam Tư thành các quốc gia độc lập năm 1992; Tiệp Khắc phân chia thành Tiệp và Slôvaki năm 1993; và Ấn Độ (thuộc địa Anh) trước đây thành Ấn Độ và Pakistan năm 1947.

Theo các giáo sư Đ.I. Phetman và M.X. Pharusin thì kế thừa là việc chuyển quyền và nghĩa vụ từ một quốc gia này sang một quốc gia khác và cùng với nó là tuyên bố của quốc gia mới về tự nguyện hoặc im lặng thực hiện quyền và nghĩa vụ kế thừa đó⁶. Theo giáo sư G.V. Igonachencô thì kế thừa là văn bản thoả thuận hoặc tuyên bố đơn phương của một quốc gia có chủ quyền với các quốc gia khác

C.81; Моджорян Л.А. Основные права и обязанности государства - М.,1965 - С.121; Международное право - М.,1965 - С.175; Курс международного права, т.3, - М.,1967 - С.32; Международное право - М.,1970 - С.116; Международное право - М.,1979 - С.157.

⁶ Хет: Фельдман Д.И., Фарукшин М.Х. Крах колониальной системы и некоторые вопросы международно-правового признания и правопреемства - Правоведение, 1962, № 2 -С.119.

⁵ Хет: Дурденевский В.Н. Главные правовые вопросы при образовании нового государства. - Вопросы теории и практики международного права. - М.,1959 - С.88; Международное право. М.,1947-С.156; Кожевников Ф.И. Учебное пособие по международному праву (Очерки) - М.,1947. -

về việc đồng ý là quốc gia kế thừa quyền và nghĩa vụ của quốc gia tiền nhiệm⁷.

Kế thừa là một trong những chế định của luật quốc tế và được thực hiện phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm của luật quốc tế. Giáo sư N.V. Zakharov nhấn mạnh, luật quốc tế đã không “quên” chế định kế thừa và cũng không dừng lại hoàn toàn để xem xét quốc gia kế thừa⁸. Theo Công ước Viên năm 1978 thì khái niệm về “Quốc gia kế thừa” được hiểu là sự thay đổi quốc gia này bằng một quốc gia khác và quốc gia mới thực hiện trách nhiệm pháp lý quốc tế trên lãnh thổ kế thừa⁹. Công ước Viên năm 1978 và năm 1983 cũng quy định kế thừa đối với các thuộc địa (trước đây) và kế thừa theo nguyên tắc tabula rasa.

Sau Cách mạng Tháng mười năm 1917, nhà nước Xô Viết đã tuyên bố xoá bỏ gần như tất cả các ĐUQT mà Nga Hoàng đã ký với nước ngoài mà chỉ kế thừa các điều ước đã ký kết với một số các quốc gia có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội hoặc phục vụ cho quan hệ đối ngoại của Liên Xô, ví dụ như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Ápganixtan, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ v.v.¹⁰.

Sau năm 1991, SNG đã đàm phán và ký điều ước về kế thừa đối với Liên Xô, theo đó các khoản nợ quốc tế của Liên Xô trước đó đã được 15 nước cộng hoà đồng thuận thông qua với tỷ lệ kế thừa như sau: Liên bang Nga 61,34%; Ucraina 16,37%; Beloruxia 4,13%; Uđobekixtan 3,27%; Cadăcxtan 3,86%;

Grudia 1,62%; Adecbaidan 1,64%; Litva 1,41%; Mondavia 1,29%; Latvia 1,14%; Cudoguxtan 0,95%; Tatgikixtan 0,82%; Amenhia 0,86%; Tuocmextan 0,70%; Extonia 0,62%¹¹.

Theo Thoả thuận ngày 06.7.1992 về kế thừa quyền sở hữu động sản, bất động sản và vốn đầu tư của Liên Xô ở nước ngoài được phân chia cho các chủ thể SNG theo tỷ lệ: Liên bang Nga 61,34%; Ucraina 16,37%; Beloruxia 4,13%; Uđobekixtan 3,27%; Cadăcxtan 3,86%; Adecbaidan 1,64%; Mondavia 1,29%; Cudoguxtan 0,95%; Tatgikixtan 0,82%; Amenhia 0,86%; Tuocmextan 0,70%; và tổng cộng 4 nước còn lại: Grudia, Latvia, Litva và Extonia là trên 4,7% không được tính trong thoả thuận trên¹².

Liên bang Nga đã tự nguyện thực hiện các cam kết quốc tế đang còn hiệu lực mà Liên Xô đã ký kết, tức là kế thừa thực hiện nhân danh nhà nước Xô Viết, đặc biệt là về lĩnh vực quyền con người và việc kế thừa các cam kết quốc tế luôn phù hợp với các quy định trong điều ước, với các nguyên tắc và các quy phạm của luật quốc tế, với hiến pháp và với hệ thống pháp luật Liên bang Nga.

Sau khi Liên bang Xô Viết chấm dứt sự tồn tại của mình, Bộ Ngoại giao Nga đã tuyên bố về việc Nga tiếp tục kế thừa thực hiện quyền và nghĩa vụ trong các ĐUQT mà Liên Xô đã ký kết và đề nghị các bên của điều ước xem Nga là một bên của các điều ước, tức là kế thừa các ĐUQT của Liên Xô đang có hiệu lực¹³. Năm 1991, theo thoả thuận giữa các quốc gia SNG, Tổng thống Nga đã gửi công hàm cho Tổng thư ký Liên hợp quốc (LHQ) về việc Nga thay thế Liên Xô tại LHQ và tại Hội đồng Bảo an LHQ.

⁷ Хет: Игнатенко Г.В. От колониального режима к национальной государственности - М, 1966 - С.121.

⁸ Хет: Захарова Н.В. О международном правопреемстве и его объекте. “Советское государство и право”, 1967, №4. -С.104.

⁹ Хет: Колосов Ю.М, Кривчикова Э.С. Действующее международное право. - М. ИМНИМП, 1996. Т.1. -С.434.

¹⁰ Хет: Вельяминов Г. М. Правопреемство между Российской Федерацией и Российской империей, международные и внутренние аспекты// МЖМП. 1998, № 3 -С.22-26.

¹¹ Хет: Колосов Ю.М, Кривчикова Э.С. Действующее международное право. В 3-х томах. -М: Изд-во, МНИМП, 1996-1997. Том.1 - С.479.

¹² Хет: Международное публичное право. Учебник - М: Проспект, 2004-Тр.182-183.

¹³ Хет: Международное публичное право - М: Проспект, 2004 -Тр.180-181.

Việc Nga tuyên bố thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Liên Xô (kể cả trách nhiệm về tài chính) là phù hợp với Hiến chương LHQ và đã nhận được sự ủng hộ của Tổng thư ký LHQ và Liên minh châu Âu.

Kế thừa khi chuyển giao lãnh thổ cho một quốc gia khác được điều chỉnh bằng các điều ước giữa chúng và được quy định tại Điều 14 Công ước Viên năm 1978, nếu trong trường hợp không có điều ước về chuyển đổi lãnh thổ thì được tiến hành theo hai phương pháp: a) Tài sản là bất động sản nằm trên lãnh thổ là đối tượng kế thừa giao cho quốc gia kế thừa; b) Tài sản là động sản liên quan đến hoạt động của quốc gia giao kế thừa trên lãnh thổ là đối tượng kế thừa giao cho quốc gia kế thừa.

Như vậy, khi hai hoặc nhiều quốc gia hợp nhất thì các tài sản chung đó do quốc gia mới kế thừa và khi một quốc gia tách thành các quốc gia độc lập có chủ quyền thì việc kế thừa tài sản phụ thuộc vào lãnh thổ mà quốc gia mới thành lập sở hữu (quyền chủ quyền), nếu là bất động sản nằm bên ngoài lãnh thổ sẽ được chuyển cho quốc gia kế thừa theo thoả thuận và theo quy định của pháp luật quốc tế. Ví dụ, theo Sắc lệnh ngày 08.02.1993 của Tổng thống Nga thì Nga là quốc gia kế thừa Liên Xô nên có quyền tiếp nhận và sở hữu toàn bộ bất động sản của Liên Xô ở nước ngoài và thực hiện việc giải quyết các vấn đề về hệ quả pháp lý liên quan đến việc sử dụng tài sản đó.

Chúng ta có thể tìm hiểu thêm về điều đó trong Công hàm của Bộ Ngoại giao Bungari ngày 27.4.1996 gửi Liên bang Nga khẳng định các ĐUQT song phương giữa Bungari và Liên Xô trong giai đoạn 1945-1991 sẽ tiếp tục có hiệu lực giữa Bungari và Nga, bên cạnh đó có một số điều ước cần điều chỉnh, sửa đổi và xác định rõ quyền và nghĩa vụ giữa hai nhà nước và phân tích ảnh hưởng của các điều ước đó đến quốc gia thứ ba¹⁴.

Kế thừa đối với các quốc gia mới giành độc lập là đề tài mà nhiều luật gia, nhà khoa học pháp lý quốc tế trên thế giới đặc biệt quan tâm¹⁵ và việc kế thừa được thực thi trên cơ sở các nguyên tắc và quy phạm của luật quốc tế. Ví dụ, Cộng hoà Man-ta tuyên bố tiếp tục kế thừa các cam kết quốc tế đã quy định trong điều ước Matxcova (ngày 05/8/1963) về cấm thử vũ khí hạt nhân trong khí quyển mà Anh đã phê chuẩn trước đây; Năm 1960, An-giê-ri đã gia nhập bốn Công ước Viên về bảo hộ nạn nhân chiến tranh năm 1949 v.v. .

Kế thừa ĐUQT ở Việt Nam đã được minh chứng theo các giai đoạn lịch sử: trước năm 1945; 1945-1954; 1954-1975 và sau năm 1975. Việt Nam đã đứng trên quan điểm không kế thừa bất kỳ một ĐUQT nào mà do quốc gia đô hộ trước đây hoặc của “Quốc gia” do quốc gia đô hộ dựng lên, ngoại trừ các điều ước có lợi cho quốc gia và cho dân sinh. Điều đó đã được khẳng định trong Tuyên ngôn ngày 02.9.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố với thế giới về nguyên tắc kế thừa quốc gia và kế thừa ĐUQT của Việt Nam là từ nay chúng tôi chấm dứt tất cả các mối quan hệ với đế quốc Pháp và tuyên bố các Hiệp ước quốc tế mà Pháp ký thay nhân danh Việt Nam là điều ước vô hiệu và chính thức tuyên bố

¹⁵ Xem: Игнатенко Г.В. От колониального режима к национальной государственности. М, 1966; Бараташвили Д.И. Новые государства Азии и Африки и международное право. М, 1968; Аваков М.М. Новые государства Азии и Африки и некоторые вопросы правопреемства. Вып. I, М, 1973; Захарова Н.В. Правопреемство государств. М, 1973; Zemanek K. State Succession after Decolonisation. Leyde, 1965; Bokor-Szege H. New States and International Law. Budapest, 1970; Duculescu V. Succesinnea Statelor la tratatele international. Bucuresti, 1972; Szafarz R. Konwencja Wicden'ska o Sukcesji panstw w Stosunku do traktatow. - Panstwo i Prawo. 1979, №1, -S.64-75.

¹⁴ Xem: Международное публичное право. Учебник -М: Проспект, 2004 –Тр.182

chấm dứt các điều ước nô dịch đã được ký kết giữa Việt Nam và Pháp¹⁶.

Kế thừa ĐUQT của Việt Nam sau thống nhất (1975) có những đặc điểm riêng vì sau giải phóng việc công nhận chủ thể luật quốc tế hoặc công nhận Việt Nam là một nhà nước mới thành lập đã không được đặt ra do trước đó Việt Nam đã là một quốc gia độc lập có chủ quyền (từ năm 1945). Điều đó đã được khẳng định ngay sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Việt Nam đã tuyên bố với thế giới về việc thành lập một nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, nên sau 1975 Việt Nam chỉ thực hiện kế thừa đối với các ĐUQT.

Kế thừa ĐUQT được ký kết giữa “Cộng hoà Việt Nam” với các quốc gia khác được phân tích trên hai khía cạnh: *Thứ nhất*, các điều ước đã được ký giữa chính quyền Sài Gòn với các nước Pháp, Mỹ đều có mục đích chung là chống lại lợi ích của nhân dân Việt Nam và ủng hộ chiến tranh xâm lược; *Thứ hai*, trước năm 1975, các quốc gia nói trên có quan hệ điều ước không chỉ với “Cộng hoà Việt Nam” mà cả với Việt Nam Dân chủ

cộng hoà. Do đó, sau giải phóng việc kế thừa các điều ước song phương đã không được đặt ra mà chỉ kế thừa đối với các điều ước đa phương hoặc điều ước có tính phổ biến trong cộng đồng quốc tế và trên thực tế việc kế thừa các ĐUQT đó của “Cộng hoà Việt Nam” (mà có bản gốc đang được lưu trữ tại LHQ) đã được Việt Nam thực thi theo trình tự luật định¹⁷.

Trước năm 1975, Việt Nam Dân chủ cộng hoà và Cộng hoà Nam Việt Nam là thành viên của nhiều Công ước quốc tế, ví dụ như Công ước Gionevơ về bảo vệ nạn nhân chiến tranh năm 1949¹⁸ và sau năm 1976 Việt Nam đã kế thừa Công ước này và gia nhập một số Công ước quốc tế khác: Công ước về quyền con người¹⁹; Các điều ước quốc tế: về cấm thử vũ khí hạt nhân trong khí quyển, trong vũ trụ và dưới nước; về không phổ biến vũ khí hạt nhân; về không bố trí vũ khí hạt nhân trên bờ biển, dưới đại dương và trong lòng đất và các loại vũ khí giết người hàng loạt; các Công ước về chống thất nghiệp, về đảm bảo an ninh cho ngành hàng không dân dụng và gia nhập nhiều các văn kiện pháp lý quốc tế khác²⁰.

¹⁶ Có thể tìm đọc thêm: Các Hiệp ước (Nhâm Tuất) ngày 05.6.1862 về việc thừa nhận việc cai quản 3 tỉnh miền Đông thuộc nước Pháp, bồi thường tiền và mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng Yên cho Pháp thông thương, cho phép người Pháp và Tây Ban Nha truyền đạo và Pháp trả tỉnh Vĩnh Long cho Triều đình; Hiệp ước ngày 15.10.1867 về việc chấp nhận nhượng 6 tỉnh cho Pháp cùng với chủ quyền các đảo Côn Lôn và Phú Quốc; Hiệp ước (Giáp Tuất) ngày 15.3.1874 về việc đầu hàng của giai cấp phong kiến Việt Nam; Hiệp ước ngày 06.7.1884. Các Hiệp ước đó được ký kết giữa Việt Nam với Pháp về thiết lập chế độ bảo hộ đối với Việt Nam. Hiệp ước mà Pháp ký với Trung Quốc nhân danh Việt Nam – Hiệp ước Nam Ninh năm 1930 mà theo đó Pháp cho phép chuyên gia Trung Quốc được tự do đi lại trên Đông dương không phụ thuộc vào nghề nghiệp, lĩnh vực hoạt động xã hội và có đặc quyền như người nước khác; Hiệp ước Tôkiô Pháp ký thay Việt Nam với Nhật Bản ngày 06.5.1941 mà theo đó Nhật Bản có quyền sử dụng các hải cảng và các đường giao thông liên lạc ở Đông Dương. Xem: Tiến trình lịch sử Việt Nam, NXB.Giáo dục, 2003–Tr.211; 285; Nguyen Huu Tru, *Quelques problemes de Succession d’Etats concernant le Vietnam*. Bruxelles, 1970 - P.168.

¹⁷ Multilateral Treaties Deposited by Secyryk General. Status as at 31 December 1981 - N.Y: UN, 1982 -P.73.

¹⁸ Trong ấn phẩm khoa học bằng tiếng Nga có đoạn viết: Что касается Женевских конвенций о защите прав жертв войны 1949г, то, считая неуместным и ненужным уведомление о правопреемстве, Правительство СРВ информировало Правительство Швейцарии о том, что СРВ является государством-участником этих конвенций с момента присоединения ДРВ к ним - 1957г, а не РЮВ -1974г.

¹⁹ Các văn bản pháp lý quốc tế như: Công ước về quyền kinh tế, văn hóa và xã hội và Công ước về các quyền chính trị và dân sự năm 1966; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1965; Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng năm 1948; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1973.

²⁰ Có thể xem thêm: Multilateral Treaties Deposited by Secretary General. Status as at 31 December 1982. - N.Y: UN, 1983.

Giáo sư M.M. Abacov cho rằng, cơ sở pháp lý để giải quyết các vấn đề về kế thừa đối với các quốc gia mới giành được độc lập là hoàn toàn phụ thuộc vào quyền tự quyết của họ, toàn bộ quyền năng chủ thể và các văn bản pháp luật quốc tế của chủ thể đó sẽ chuyển sang cho quốc gia mới giành được độc lập là một tất yếu mà không phải tuân theo trình tự kế thừa vì đó là quyền tự quyết của dân tộc mình trên lãnh thổ của quốc gia mình²¹.

Kế thừa tài liệu quốc gia được quy định tại Điều 20 Công ước Viên 1983, mà trong đó quy định kế thừa tài liệu quốc gia là kế thừa toàn bộ các thể loại văn bản, tài liệu lưu trữ hoặc phát sinh trong quá trình hoạt động của quốc gia đó được pháp luật điều chỉnh và thuộc quyền sở hữu của quốc gia đó. Thời điểm kế thừa tài liệu quốc gia là thời điểm kế thừa quốc gia. Quốc gia giao kế thừa phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ (bảo quản) tài liệu để chuyển giao cho quốc gia kế thừa. Trong trường hợp nếu không thể kế thừa đơn giản theo phương pháp số học, thì mỗi quốc gia thành viên có liên quan có quyền tiếp cận các nguồn tài liệu đó và có thể phô to chúng trên cơ sở pháp lý là điều ước quốc tế song phương.

Sau năm 1975, Bộ Ngoại giao đã tuyên bố về việc thu hồi toàn bộ tài sản của Việt Nam ở nước ngoài, bao gồm cả bất động sản, động sản, tiền vàng và các loại tài sản khác, tuyên bố khẳng định quyền kế thừa đó hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam và với luật pháp quốc tế.

Việc kế thừa ĐUQT, công nợ và tài liệu lưu trữ giữa chính quyền Sài Gòn với Pháp, Nhật, Mỹ được thực thi trên cơ sở các quy định trong các Công ước quốc tế, ví dụ như, các vấn đề về tài chính, tài sản và công nợ giữa chính quyền Sài Gòn với Hoa Kỳ và với các nước công nghiệp phát triển đã được

hội đàm tại Câu lạc bộ Paris với kết quả đồng thuận, mà theo đó Việt Nam đồng ý kế thừa các khoản nợ theo quy định của pháp luật quốc tế, nhưng bảo lưu ý kiến của mình về việc chỉ chịu trách nhiệm kế thừa về các khoản nợ có liên quan đến quốc gia dân sinh²².

Việc kế thừa về tiền và tài sản trong quan hệ song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ có quy mô tương đối lớn và với nội dung phức tạp hơn nên sau một quá trình đàm phán Việt Nam đã đồng ý trả cho Hoa Kỳ những khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của chính quyền Sài Gòn và theo nguyên tắc Việt Nam có trách nhiệm trả các khoản vay mà có liên quan trực tiếp đến đời sống dân sinh và ngược lại Hoa Kỳ trả cho Việt Nam toàn bộ tiền, tài sản của chính quyền Sài Gòn cũ đang bị phong tỏa ở Hoa Kỳ²³. Việc đàm

²² Cụ thể: *Thứ nhất*, các khoản nợ thuộc diện hỗ trợ phát triển (ODA) thì các nước đồng ý để Việt Nam được hoãn trả nợ quá hạn trong vòng 30 năm, trong đó 12 năm đầu chỉ phải trả lãi và lãi suất trong thời gian hoãn nợ được tính theo mức ưu đãi nhất; *Thứ hai*, các khoản nợ thương mại do Việt Nam bảo lãnh trước đây, các nước đồng ý cho Việt Nam được giảm nợ quá hạn 50% theo phương thức hoãn trả nợ trong vòng 23 năm, trong đó 6 năm đầu chỉ phải trả lãi, hoặc theo phương thức xoá ngay 50% số nợ.

²³ Các khoản vay của cơ quan viện trợ phát triển Mỹ (USAID) cho bốn dự án đã đầu tư ở Miền Nam Việt Nam đó là: Hệ thống cấp nước Sài Gòn ký năm 1960; Thiết bị cho nhà máy điện Sài Gòn ký năm 1961; Hệ thống đường sắt ký năm 1960; Chương trình trợ giúp kỹ thuật ký năm 1973 và hai khoản vay của Bộ Nông nghiệp Mỹ để nhập khẩu lúa mỳ và nông sản. Theo đó kết quả được giải quyết như sau: *Thứ nhất*, về tiền và tài sản hai bên chấm dứt việc phong tỏa và sau khi bù trừ phía Hoa Kỳ đã trả Việt Nam ngay 158 triệu USD và Việt Nam đã nhận đủ khoản này; *Thứ hai*, về tài sản dưới dạng nhà đất cũng đã xử lý xong việc đổi, mua và trao trả; *Thứ ba*, về các khoản nợ khác hai bên nhất trí xử lý và cơ cấu lại nợ mà theo đó Việt Nam phải trả số nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh và 153 triệu USD trong thời hạn 25 năm, trong đó 16 năm đầu chỉ phải trả lãi với lãi suất ưu đãi khoảng 3%. Bên cạnh đó Bộ Tài chính Mỹ sẽ có trách nhiệm giúp Việt Nam tái thiết và phát triển đất nước sau chiến tranh. Xem: Báo Nhân dân ngày 12.5.1997.

²¹ Xem: Аваков М.М. Правопреемство освободившихся государств. -М,1983 -С.127.

phán và giải quyết các vấn đề nói trên giữa chính phủ hai nước là hoàn toàn phù hợp với nội dung quy định (về các quyền và nghĩa vụ của Chính phủ mới đối với Chính phủ trước đó) trong các Công ước Viên về kế thừa quốc tế mà đã được các nước trên thế giới công nhận và thực hiện.

Một vấn đề “thời sự” khác có liên quan đến kế thừa quốc tế và được cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm là khi thay đổi chủ quyền quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp như thế nào đến quyền công dân (trên lãnh thổ là đối tượng kế thừa) và đó cũng là một trong những vấn đề rất phức tạp trong lĩnh vực quan hệ pháp luật về kế thừa quốc gia²⁴. Đây là một vấn đề quốc tế đang còn nhiều tranh luận, nhưng để có cơ sở pháp lý giải quyết các vấn đề về công dân trong trường hợp kế thừa quốc gia thì cộng đồng quốc tế phải sớm soạn thảo và thông qua một Công ước quốc tế đa phương điều chỉnh về lĩnh vực này, mặc dù về cơ bản công dân chịu sự điều chỉnh của pháp luật quốc gia nhưng lại có mối liên quan trực tiếp đến trật tự pháp luật quốc tế. Tâm quan trọng đó đã được minh chứng bằng việc không phải ngẫu nhiên mà châu Âu đã thông qua Công ước về quốc tịch năm 1997, trong đó quy định về việc nhập và mất quốc tịch do kế thừa quốc gia. Nhập và mất quốc tịch thường gắn liền với kế thừa quốc gia nên các quốc gia cần tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý để cho các công dân được đoàn tụ với gia đình mình và trên thực tiễn điều đó đã được một số điều khoản trong các văn bản pháp luật quốc tế

điều chỉnh²⁵. Ngoài ra, vấn đề quốc tịch còn được khẳng định trong các văn bản pháp lý quốc tế quan trọng như: Tuyên ngôn về quyền con người (năm 1948) “Mỗi con người đều có quyền có quốc tịch”; hai Công ước năm 1966 về các quyền chính trị, kinh tế và dân sự; Công ước về các quyền của trẻ em (năm 1989). Các văn bản quốc tế đó đã khẳng định các quyền của mỗi con người khi được sinh ra trên trái đất.

Như vậy, kế thừa là một chế định pháp luật quốc tế phức tạp và các quy phạm của nó trong một thời gian dài luôn có tính chất là các quy phạm tập quán, nhưng trong khoa học pháp lý quốc tế hiện đại thì chế định này đã được cụ thể hoá bằng các Công ước quốc tế có tính phổ biến toàn cầu. Qua đó chúng ta thấy rằng, cùng với thời gian chế định kế thừa trong luật quốc tế đã không mất đi tính thời sự pháp lý quốc tế của mình, mà trái lại chế định đó đã, đang và sẽ tồn tại đồng hành cùng với sự phát triển của luật quốc tế hiện đại và cùng với các hệ thống pháp luật quốc nội chế định này đã góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo trật tự pháp lý quốc tế, đảm bảo hoà bình và an ninh thế giới.

²⁵ Chẳng hạn như: Các điều 37,85,91,116 và 113 Điều ước về hoà bình giữa Liên quân với Đức năm 1919; Các điều từ 78-82 Điều ước hoà bình giữa Liên quân với Áo năm 1919; Điều 9 Điều ước hoà bình năm 1920 về việc Nga nhường cho Phần Lan vùng Pesamó; Các điều 21 và từ 31-36 Điều ước Lôdannơ năm 1923.

²⁴ O Connell D.P The Law of State Succession. Cambridge University Press, 1956. P.245.